

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Chợ Rẫy có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, hóa chất xét nghiệm và vật tư tiêu hao phụ trợ đi kèm (lần 7) năm 2023 của Bệnh viện Chợ Rẫy với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: BỆNH VIỆN CHỢ RẪY. Địa chỉ: 201B Nguyễn Chí Thanh phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đào Văn Hiệp- Số điện thoại: 028.38.554.137 – 028.38.554.138 – Line 1213. Email: baogia.bvcr@gmail.com
- Cách tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại Bệnh viện Chợ Rẫy (Phòng Tổ chức-Hành chính), địa chỉ: 201B Nguyễn Chí Thanh phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu.
 - Địa chỉ email: baogia.bvcr@gmail.com nhận file mềm excel và bản scan.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 ngày 22 tháng 08 năm 2023 đến trước 17 giờ 00 ngày 05 tháng 09 năm 2023
Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 05 tháng 09 năm 2023


II. Nội dung yêu cầu báo giá:

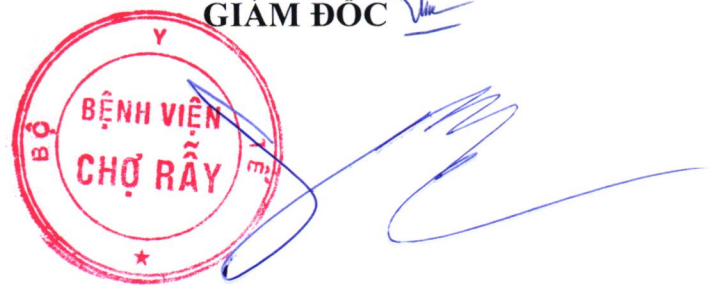
- Danh mục thiết bị y tế/linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị): Chi tiết bảng mô tả đính kèm phụ lục 1.
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế như sau:
 - Địa điểm cung cấp: Tại kho của Bệnh viện Chợ Rẫy. Đ/c: 201B Nguyễn Chí Thanh phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Hàng hóa được cung cấp kèm theo tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ theo quy định pháp luật.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Bắt đầu từ tháng 11/2023.
 - Giao hàng làm nhiều lần trong vòng 12 tháng. Thời điểm giao hàng thực tế là sau thời điểm phát hành quyết định công nhận trúng thầu 20 ngày.
- Dự kiến về các khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

- a. Báo giá theo mẫu phụ lục 2 đính kèm thông báo này.
- b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của trang thiết bị y tế báo giá (nếu có).

GIÁM ĐỐC 



Nguyễn Tri Thức

PHỤ LỤC 1

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

(Đính kèm yêu cầu báo giá số 487./BVCR-KD, ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bệnh viện Chợ Rẫy)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
1	Aceton	Aceton rửa sơn móng. Không chứa chất phụ gia gây kích ứng da và móng khi sử dụng. Đóng gói kín, nắp chai đảm bảo bảo vệ được dung dịch nhiều lần và chống bay hơi. Một quy cách đóng gói không quá 500 ml.	68.500,0	ml
2	Acid Acetic	Acid Acetic tinh khiết 99,5%. Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm, ISO/ CE	42.000,0	ml
3	Acid nitric	Acid nitric độ đậm đặc 65%. Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm, ISO/ CE	5.000,0	ml
4	Acid tartaric	Tinh khiết trên 99%. Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm, ISO/ CE	1.000,0	Gram
5	Ammonium sulfate	Ammonium sulfate tinh khiết ≥ 99%. Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm, tiêu chuẩn CE/ ACS/ ISO.	1.000,0	Gram
6	Canada balsam	Canada balsam nguyên chất. Chất lỏng trong suốt, màu vàng. Nhuộm tiêu bản mô dùng soi kính hiển vi. Chỉ số khúc xạ (20 °C) 1,515 - 1,530. Mật độ (20 °C / 4 °C) 0,980 g / cm ³ Độ nhớt (20 °C) 3.000 mPa.s. Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm, tiêu chuẩn ISO/ CE	200,0	Gram
7	Dầu soi kính	Dầu soi kính hiển vi. Chỉ số khúc xạ (nD) ~ 1,516. Độ nhớt ~ 100-120 mPa.s. Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm (IVD) hoặc CE	3.000,0	ml
8	Sodium dihydrophosphat tinh khiết phân tích	Sodium dihydrophosphat (NaH ₂ PO ₄) tinh khiết hàm lượng ≥ 99%. Dạng bột mịn, khan. Đạt tiêu chuẩn CE/ ISO	3.500,0	Gram
9	Disodium hydrophosphat	Disodium hydrophosphat (Na ₂ HPO ₄) tinh khiết trên 99%. Dạng bột mịn, khan. Đạt tiêu chuẩn ISO/ CE	26.000,0	Gram
10	Đồng Sulfat	Sử dụng pha dung dịch đồng sulfate làm chất thử cho xét nghiệm huyết sắc tố cho người hiến máu. Dạng bột khan, màu xanh nhạt. Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm, ISO/ CE	50.000,0	Gram
11	Dung dịch bảo quản điện cực của máy đo pH	Dung dịch KCl nồng độ 3 mol/L. Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm, ISO/ CE	250,0	ml
12	OG-6	OG-6: màu nhuộm keratin trong tế bào phụ khoa; sử dụng được với EA-36, EA-50, EA-65. Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm, tiêu chuẩn ISO	6.622,0	ml
13	Glucose	Glucose (C ₆ H ₁₂ O ₆) tinh khiết trên 89%. Dạng bột khan, màu trắng. Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm ISO/ CE.	500,0	Gram
14	Acid Hydrochloric	Hydrochloric acid bão hòa nồng độ 37%, tinh khiết. Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm, ISO/ CE	8.000,0	ml
15	Iodine	Iod nồng độ thăng hoa (99,8 - 100 %). Đạt tiêu chuẩn thuốc thử phân tích/ phòng thí nghiệm, ISO/ CE	3.100,0	Gram
16	Kali chloride	Kali chloride tinh khiết > 99,5 %. Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm, tiêu chuẩn ISO/ CE	500,0	Gram
17	Kali iodide	Kali iodide tinh khiết ≥ 99,5%. Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm, tiêu chuẩn ISO/ CE	14.000,0	Gram
18	Methylen Blue	Methylen Blue (C ₁₆ H ₁₈ ClN ₃ S), dạng rắn, tinh khiết trên 80%. Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm, tiêu chuẩn ISO	100,0	Gram
19	Silica gel hút ẩm, dạng hạt	Silica gel hạt nhỏ, không mùi. Khả năng hấp thụ nước (24 giờ, độ ẩm tương đối 80%) ≥ 25,0%, có chỉ thị màu thể hiện độ hấp thụ nước (silica gel xanh chuyển sang màu đỏ sẫm, hoặc silica gel da cam chuyển thành màu xanh thẫm (xanh lục)). Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm, tiêu chuẩn ISO/ CE	1.000,0	Gram
20	Sodium carbonate	Sodium carbonate tinh khiết ≥ 99%, dạng bột khan, màu trắng. Sử dụng trong phòng thí nghiệm, đạt tiêu chuẩn CE/ ACS/ ISO.	1.000,0	Gram
21	Xylen	Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm, tiêu chuẩn ISO/ CE	5.000,0	ml
22	Vaselin	Tác dụng chữa trị vết bong, vết phỏng rộp. Thành phần: paraffin thiên nhiên dạng nhão, màu trắng đục. Tiêu chuẩn European Pharmacopoeia	480,0	kg
23	1,4-Dithiothreitol	1,4-Dithiothreitol, tinh khiết ≥ 99%. Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm, ISO/ CE	200,0	Gram
24	Phenol dạng bột	Phenol dạng bột khan, tinh khiết ≥ 99%. Đạt yêu cầu làm thuốc thử dùng cho phòng thí nghiệm, tiêu chuẩn ISO/ CE	6.000,0	Gram
25	Dung dịch Javel	Công dụng: khử trùng, diệt khuẩn, làm sạch chất màu. Dung dịch Natri hypochlorit (công thức hóa học là NaClO), nồng độ trên 30%. Thể tích đóng gói tối đa 2kg/ chai	292,0	KG
26	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	Thành phần chứa Ortho-phthalaldehyde 0.55%, pH trung tính, không mùi, phổ diệt khuẩn rộng: vi khuẩn, nấm, virus, Mycobacteria tiêu chuẩn châu Âu (EN 14476, EN 1275, EN13727)... Tương thích với dụng cụ nội soi. Thời gian tái sử dụng dung dịch trong chậu ngâm: 14 ngày (kiểm tra nồng độ dung dịch ngâm bằng test thử), bình 5L + test thử	7.300,0	LIT
27	Dung dịch rửa quả lọc thận nhân tạo	Thành phần gồm: Peracetic acid: 4 - 5%, Hydrogen peroxide: 25 - 26%, Acetic acid : 9 - 10%. Tương thích với thiết bị rửa tự động.	1.500,0	KG
28	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế. Có thể sử dụng cho phương pháp rửa thủ công và bồn siêu âm. Nồng độ sử dụng ≥ 0.5%. Diệt khuẩn: EN 1040, EN 13727, EN 14561, EN 13727. Diệt nấm: EN 1275, EN 13624, EN 14562. Diệt virus: PRV, BVDV, HSV, Vaccinia virus, HIV-1. Thành phần: ≥ 6,5% Diacyldimethyl ammonium chloride + > 0.074% Chlohexidine digluconate.	50,0	LIT
29	Miếng dán chống nhiễm khuẩn chứa Clorhexidin gluconat	Miếng dán hình tròn đường kính 25 mm có một lỗ tròn ở giữa đường kính ≥ 4mm, chứa Chlorhexidin gluconat. Miếng chống nhiễm khuẩn sử dụng để giảm nguy cơ nhiễm trùng tại chỗ, nhiễm trùng máu liên quan đến đặt catheter, nhiễm trùng da liên quan đến đặt catheter ở những bệnh nhân đặt ống thông tĩnh mạch trung ương, ống thông mạch vành	500,0	Miếng
30	Calcium hydroxide	Dạng bột khan. Phù hợp sử dụng trong nha khoa	2,0	Lọ
31	Cement gắn cho ống tủy còn sống	Cement gắn cho ống tủy còn sống loại Cement Fuji hoặc tương đương. Phù hợp sử dụng trong nha khoa	8,0	CẶP
32	Côn trám bit ống tủy	Phù hợp sử dụng trong nha khoa. Gồm các độ thuận : 2%, 4% và 6%. Tương thích sinh học với mô, thành ngà, không gây kích ứng. Kết dính với các vật liệu trám bit ống tủy (Resin, Bioceramic,...). Kích thước cone đạt chuẩn ISO, hình dạng đồng nhất	8,0	Hp
33	Endomethasone	Phù hợp sử dụng trong nha khoa	126,0	Gam
34	Gel acid phosphoric 37%	Tác dụng làm mòn men răng. Gel acid giữ đúng vị trí được đặt mà không bị chảy, dung dịch có màu cho phép đặt chính xác và dễ nhận thấy, rửa sạch dễ và nhanh sau khi thao tác. Đầu kim mỏng có thể uốn cong.	15,0	Lọ/Ống

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
35	Composite đặc	Phù hợp sử dụng trong nha khoa. Loại đa sợi, có tằm Epinephrine, kích thước 30	1,0	Tube
36	Composite lỏng	Composite hạt độn nano, không dính dụng cụ, có nhiều màu	15,0	Cây
37	Keo dán dùng trong nha khoa	Thành phần: Composite nano-hybrid optimizel, dạng dẻo quang trùng hợp. Phù hợp sử dụng trong nha khoa	3,0	Lọ
38	Bộ hoá chất tổng hợp FDG	Bộ gồm: 1 hộp FDG4 reagent kit, 1 hộp FDG4 module hardware parts, 1 lọ Mannose triflate, 4 cột lọc tinh khiết, 4 cột QMA hoặc các cầu phân có chức năng tương đương. Tương thích với thiết bị sản xuất 18F- FDG dùng trong chụp PET/CT	90,0	Bộ
39	Nước làm giàu O18	Độ làm giàu enrichment $\geq 97\%$	19,0	LO/50g
40	Bộ dây dẫn chia liều phóng xạ	Bộ dây nhựa phù hợp với bộ kit tổng hợp FDG ,dùng chia liều phóng xạ.	300,0	Bộ
41	Dung dịch có chức năng bảo quản tạng và liệt tim	Dung dịch có chức năng bảo quản và liệt tim, thể tích 1 lít. Thành phần: sodium chloride: 15,0 mmol/L potassium chloride: 9,0 mmol/L magnesium chloride.6 H2O: 4,0 mmol/L histidine hydrochloride.H2O: 18,0 mmol/L histidine: 180,0 mmol/L tryptophan: 2,0 mmol/L mannitol: 30,0 mmol/L calcium chloride.2H2O: 0,015 mmol/L potassium hydrogen 2-oxopentandioate: 1,0 mmol/L Độ thâm thấu tính toán: 320 mOsm/Kg	3.157,0	Túi/1000 ml
42	Hóa chất xúc tác phản ứng trong quá trình phân chia tế bào	Hóa chất xúc tác phản ứng phân tách mẫu tế bào dịch tuỷ xương, máu ngoại vi trong kỹ thuật nuôi cấy nhiễm sắc thể. Thành phần: EDTA 0.25% và phenol red.	4,0	lọ/100 ml
43	Keo dán sinh học có tác dụng cầm máu.	Keo dán da, thành phần: n-butyl-2 Cyanoacrylat, ống 0.5ml.	640,0	Ống
44	Thuốc thử Clo tổng hệ thống nước RO	Sử dụng để đo hàm lượng Clo tổng trong nước R.O	15,0	hộp (100 gói)
45	Thuốc thử Clo dư hệ thống nước RO	Sử dụng để đo hàm lượng Clo dư trong nước nguồn	2,0	hộp (100 gói)
46	Chất chứng ở dây nồng độ bình thường cho các yếu tố đông máu và xét nghiệm đông máu thường quy	Chất chứng nồng độ bình thường cho 18 thông số xét nghiệm đông máu và huyết khối. Bao gồm các thông số PT, INR, APTT, APTTR, Fibrinogen, Factor II, Factor V, Factor VII, Factor VIII, Factor IX, Factor X, Factor XII, Factor XII, Anti Thrombin 3, Protein S, protein C, Plasminogen, Thrombin Time. Dạng đông khô. Phù hợp sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm đông máu.	168,0	ml
47	Chất chứng ở dây nồng độ bất thường thấp cho các yếu tố đông máu và xét nghiệm đông máu thường quy	Chất chứng nồng độ bất thường thấp cho 18 thông số xét nghiệm đông máu và huyết khối. Bao gồm các thông số PT, INR, APTT, fibrinogen, Factor II, Factor V, Factor VII, Factor VIII, Factor IX, Factor X, Factor XII, Anti Thrombin 3, Protein S, protein C, Plasminogen, Thrombin Time. Dạng đông khô. Phù hợp sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm đông máu.	168,0	ml
48	Dung dịch tách bạch cầu từ máu	Dung dịch được sử dụng để tách tế bào bạch cầu ra khỏi các tế bào máu khác từ máu toàn phần dựa vào sự khác biệt về tỷ trọng của các tế bào. Dung dịch có thành phần sodium diatrizoate, polysaccharite và các hóa chất phụ trợ khác.	1.000,0	ml
49	Gel card xác định nhóm máu hệ ABO, Rhesus và phản ứng hoà hợp.	Gel Card gồm 6 giếng chứa sinh phẩm xác định nhóm máu ABO và Rh, phản ứng hoà hợp trước truyền máu trong môi trường nước muối, môi trường AHG, tự chứng. (1 card tương ứng với 1 test)	15.000,0	CARD
50	Card xác định nhóm máu ABO + D tại giường	Hoà chất xét nghiệm tích hợp trên card. Thiết kế mỗi card 02 test song song. Phù hợp thao tác thủ công trên từng mẫu máu ngay tại giường bệnh.	300,0	Test
51	Card xác định nhóm máu ABO tại giường	Card xác định nhóm máu hệ ABO tại giường. Hoà chất xét nghiệm tích hợp trên card. Thiết kế mỗi card 02 test song song. Phù hợp thao tác thủ công trên từng mẫu máu ngay tại giường bệnh.	130.000,0	Test
52	Bộ chất thử và vật tư tiêu hao thực hiện xét nghiệm định lượng chuỗi nhẹ tự do Kappa thực hiện trên thiết bị tự động	Sử dụng định lượng chuỗi nhẹ tự do Kappa. Bộ hóa chất bao gồm thuốc thử, calibrator, control, dung dịch pha loãng mẫu, các hoá chất và vật tư tiêu hao phụ trợ kèm theo để thực hiện được xét nghiệm đóng gói tương thích với thiết bị tự động. Giới hạn định lượng (LoQ): < 0.6mg/l.	1.500,0	Test
53	Bộ chất thử và vật tư tiêu hao thực hiện xét nghiệm định lượng chuỗi nhẹ tự do Lambda thực hiện trên thiết bị tự động	Sử dụng định lượng chuỗi nhẹ tự do Lambda. Bộ hóa chất bao gồm thuốc thử, calibrator, control, dung dịch pha loãng mẫu và các hoá chất, vật tư tiêu hao phụ trợ kèm theo để thực hiện được xét nghiệm đóng gói tương thích với thiết bị tự động. Giới hạn định lượng (LoQ): < 1.3mg/l.	1.500,0	Test
54	Taq DNA Polymerase 1000U	Enzyme cần thiết cho sự tổng hợp, khuếch đại DNA trong phản ứng PCR.	5.000,0	unit
55	Bộ chất thử chiết tách RNA từ mẫu máu, mẫu mô đã xử lý formol vùi nền	Chiết tách RNA từ mẫu máu toàn phần, mẫu mô vùi nền (FFPE) bằng phương pháp cột lọc thủ công. độ tinh sạch của RNA từ 1-5ug RNA tổng số/ ml mẫu máu và $\geq 80\text{ug RNA}/20\text{mg}$ mô vùi nền.	200,0	Test
56	Bộ chất thử tách chiết DNA/RNA từ mẫu mô xử lý formol vùi nền	Tách chiết và tinh sạch DNA/RNA từ mẫu mô vùi nền bằng phương pháp cột silica, ly giải bằng phương pháp khử muối. Hiệu suất trong khoảng OD 260/280 từ 1.8 \approx 2.1.	252,0	Test
57	Bộ chất thử xét nghiệm phát hiện biến đổi di truyền tại gene CYP2C19	Phát hiện biến đổi di truyền gen CYP2C19 *2, *3, *4, *5, *6, *7, *8 và *17 bằng phương pháp StripAssay. Bộ kit bao gồm hóa chất tách chiết DNA, mix PCR, test strip và các hóa chất lai. Thực hiện mẫu máu ngoại vi.	100,0	Test
58	Bộ chất thử xác định đột biến gen HFE C282Y và H63D	Phát hiện đột biến gen HFE C282Y và H63D bằng kỹ thuật realtime PCR. Thực hiện trên mẫu máu ngoại vi. Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu 98%, LoD 0.2ng DNA. Đóng gói bao gồm phụ kiện và chất bổ trợ đủ để thực hiện Realtime PCR.	100,0	Test
59	Bộ chất thử xác định tính đa hình gene DPYD	Phát hiện 4 đa hình gene DPYD gồm c.1236G>A (HapB3), c.1679T>G (DPYD*13), c.1905+1G>A (DPYD*2A, IVS14+1G>A), c.2846A>T (p.D949V) thực hiện bằng phương pháp StripAssay, thực hiện trên mẫu máu ngoại vi, độ nhạy 100%, độ đặc hiệu 100%, LoD 0.2ng. Thành phần gồm thuốc thử cho tách chiết DNA, phản ứng PCR, thanh lai, các hóa chất lai và vật tư tiêu hao	100,0	Test
60	Chất thử cho máy khí máu 4 thông số PO2, PCO2, pH, Hb	Chất thử cho xét nghiệm khí máu động mạch 4 thông số: PO2 (0-800 mmHg), PCO2 (5-200 mmHg), pH (6-8), Hb (0-30 g/dl). Các thông số đo và tính toán được như sau: pH; PCO2 ; PO2 ; tHb ; BP; HCO3a ; HCO3s; BE ; SBE ; TCO2; BB; O2Sat ; O2CT ; P50; H+; AaDO2 ,Het , H+ ;	1.000,0	Test
61	Hóa chất rửa đường ống cho máy khí máu 4 thông số PO2, PCO2, pH, Hb	Hóa chất rửa đường ống cho máy khí máu động mạch 4 thông số. Phù hợp sử dụng cùng với chất thử và thiết bị	4,0	Bộ/250 test
62	Chất thử cho xét nghiệm nhanh Methamphetamine trên mẫu nước tiểu	Chất thử cho xét nghiệm nhanh Methphetamin trên mẫu nước tiểu. Thiết kế dạng card, thời gian đọc kết quả ≤ 10 phút, phương pháp xét nghiệm sắc ký miễn dịch. Ngưỡng phát hiện 1.000ng/ml. Độ chính xác: 100% ở mức dưới 75% cutoff và trên 125% cutoff	2.000,0	Test

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
63	Bộ chất thử cho xét nghiệm định lượng Acetylcholine receptor autoantibodies (ACHRAb)	Bộ chất thử cho xét nghiệm Acetylcholine receptor autoantibodies (ACHRAb) gồm 96 giếng phản ứng, chất chuẩn, chất chứng, dung dịch phản ứng, dung dịch rửa và dung dịch rửa. Sử dụng phương pháp ELISA trên mẫu huyết thanh người. Khoảng đo yêu cầu 0.25-20 nmol/L	288,0	Test
64	Bộ hoá chất xét nghiệm tế bào cổ tử cung, âm đạo phương pháp thủ công	Bộ hoá chất xét nghiệm tế bào cổ tử cung, âm đạo phương pháp thủ công gồm: chổi lấy mẫu, lọ đựng mẫu, ống ly tâm, dung dịch bảo quản 10ml, dung dịch làm sạch, dung dịch kết nang. Mẫu tế bào cổ tử cung, âm đạo Độ nhạy 86%, độ đặc hiệu 98%.	4.300,0	Bộ
65	Bộ hóa chất nhuộm mô tế bào bằng Hematoxylin và Eosin trên hệ thống tự động	Bộ hóa chất nhuộm mô tế bào bằng Hematoxylin và Eosin trên hệ thống tự động, công suất 240 lam/giờ bao gồm: Hematoxylin dạng lỏng, màu tím, áp suất hóa hơi 2.3 kPa; Eosin dạng lỏng, màu đỏ, không mùi, pH 7.5; Bluing Buffer dạng lỏng, không màu, không mùi, áp suất hóa hơi 2.3 kPa; Mounting Medium có độ nhớt thấp, khô nhanh, tương thích với các dung dịch có xylene hoặc không có xylene, dạng lỏng, không màu; Cover Glasses: kích thước 24 x 50 mm, không bo góc, dùng để dán các mẫu mô đúc khối, mẫu cắt lạnh, mẫu tế bào được thiết kế với kích thước và độ dày phù hợp để dùng được trên các dòng máy dán lamena tự động	117.000,0	Bộ
66	Thanh tâm thuốc thực hiện xác định nồng độ ức chế tối thiểu thuốc Levofloxacin	• Thanh tâm thuốc kháng sinh các loại, thực hiện xác định nồng độ ức chế tối thiểu gồm: Levofloxacin 0.002-32µg • Tiêu chuẩn DIN ISO, biện luận kết quả theo CLSI/ EUCAST.	100,0	Test
67	Bột kháng sinh Linezolid	• Kháng sinh Linezolid tinh khiết 98% trở lên. • Dạng bột mịn, trắng. • Đạt tiêu chuẩn CE, IVD. Đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng thí nghiệm	1,0	Lọ 5 mg
68	Môi trường Muller Hinton Broth	• Môi trường Mueller Hinton Broth chuẩn bị sẵn, dạng bột khô. • Môi trường dùng trong thử nghiệm kháng sinh đạt tiêu chuẩn CLSI. • Thành phần pha 1 lít môi trường nuôi cấy: Acid Hydrolysate of Casein 17.5 g, Beef Extract 3.0 g, Starch 1.5 g, pH 7.3 ± 0.2 ở 25°C. • Đạt tiêu chuẩn CE, DIN ISO.	500,0	Gram
69	Môi trường nuôi cấy Sabouraud Agar có Chloramphenicol	• Môi trường Sabouraud có Chloramphenicol chuẩn bị sẵn, dạng bột khô. • Môi trường dùng trong nuôi cấy vi nấm. • Thành phần pha 1 lít môi trường nuôi cấy có: Agar 15.0 g, Digest of Casein 5.0 g, Digest of Animal Tissue 5.0 g, Glucose (Dextrose) 40.0 g, Chloramphenicol 0.05 g. • Đạt tiêu chuẩn CE, DIN ISO.	7.500,0	Gram
70	Chất thử tạo khí trường nuôi cấy vi khuẩn kỵ khí nhân tạo, kèm chỉ thị oxy.	• Chất thử làm giảm O2 và làm giàu CO2 trong bình kín để tạo khí trường nuôi cấy cho vi khuẩn kỵ khí tùy nghi và kỵ khí tuyệt đối phát triển. Khí trường có nồng độ CO2 trên 10% và nồng độ O2 dưới 0.5% sau khi sử dụng • Đạt tiêu chuẩn CE, DIN ISO	250,0	Test
71	Que tích hợp hoá chất xét nghiệm nhanh HCV	Que tích hợp hóa chất xét nghiệm nhanh HCV. Phương pháp miễn dịch sắc ký. Sử dụng được trên mẫu máu toàn phần/ huyết thanh/ huyết tương. Độ nhạy, độ đặc hiệu trên 95%	1.000,0	Test
72	Chất thử cho xét nghiệm nhanh phát hiện cả HIV-1 và HIV-2	Que tích hợp hóa chất phát hiện HIV-1 và HIV-2. Phương pháp sắc kí miễn dịch. Độ đặc hiệu lớn hơn hoặc bằng 99.5%, độ nhạy 100%.	1.600,0	Test
73	Chất thử tính phát hiện kháng thể của kháng nguyên Treponema Pallidum (bệnh giang mai Syphilis)	Que tích hợp hóa chất phát hiện định tính kháng thể của kháng nguyên Treponema pallidum. Phương pháp miễn dịch sắc ký.	500,0	Test
74	Bộ chất thử phát hiện HIV (kháng nguyên HIV, kháng thể HIV 1, kháng thể HIV 2)	Bộ chất thử xét nghiệm sàng lọc phát hiện được kháng nguyên HIV, kháng thể HIV 1, kháng thể HIV 2 bằng phương pháp ELISA. Mẫu thử: Huyết thanh hoặc huyết tương người. Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu > 99.5%.	40.000,0	Test
75	Bộ chất thử đo tải lượng HCV	• Bộ chất thử định lượng HCV RNA • Phương pháp xét nghiệm: khuếch đại acid nucleic in vitro để định lượng RNA của HCV kiểu gen 1 đến 6 bằng thiết bị tự động xử lý mẫu, khuếch đại và phát hiện. • Loại mẫu: huyết tương người chống đông bằng EDTA bằng thiết bị xử lý mẫu tự động và máy phân tích để tự động khuếch đại và phát hiện. • Giới hạn phát hiện: phát hiện được RNA HCV ở mức nồng độ ≤15 IU/mL hoặc cao hơn với tỷ lệ đích > 95%. • Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: 100% • Bao gồm: hóa chất tách chiết, hóa chất khuếch đại, hóa chất đối chứng, các ống xử lý mẫu và các vật tư tiêu hao. • Tiêu chuẩn CE-IVD	192,0	Test
76	Bộ chất thử Quantiferon Gamma Release Assays	• Bộ chất thử Quantiferon Gamma Release Assays • Phương pháp Elisa. Có 4 lọ ống thu máu. • Loại mẫu: huyết tương. • Bao gồm : 2 đĩa phản ứng 96 giếng, dung dịch rửa, dung dịch chuẩn, dung dịch dừng phản ứng, reagent, hóa chất và vật tư cần thiết cho phản ứng Elisa. • Tiêu chuẩn CE-IVD	6.200,0	Test
77	Bộ chất thử định lượng BK Virus Realtime PCR	• Bộ chất thử định lượng BK virus • Phương pháp: Realtime PCR • Loại mẫu: huyết tương, nước tiểu. • Giới hạn phát hiện: giới hạn dưới ≤ 11 bản sao trên phản ứng; giới hạn trên ≥ 10.000.000 bản sao trên phản ứng. Độ đặc hiệu chẩn đoán 100%. • Thành phần: hoá chất khuếch đại, hoá chất đối chứng (kèm chứng nội). • Tiêu chuẩn CE/ISO, IVD.	1.400,0	Test
78	Bộ chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng BK Virus Realtime PCR	• Bộ chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng BK virus • Thành phần: Gồm có 4 ống cho 4 nồng độ chất chuẩn • Tiêu chuẩn CE/ISO, IVD.	2,0	HỘP
79	Chất thử ly trích và tinh sạch DNA/RNA virus hệ thống tự động	• Bộ chất thử ly trích và tinh sạch DNA/RNA virus hệ thống tự động • Sản phẩm DNA/RNA sau ly trích phù hợp cho ứng dụng Realtime-PCR, giải trình tự gen. • Loại mẫu: huyết tương, huyết thanh và dịch. • Phương pháp: Tinh sạch vật liệu di truyền bằng hạt từ tính. • Thành phần: có RNA carrier. • Tiêu chuẩn CE/ISO, IVD.	1.400,0	Test
80	Kit xét nghiệm Clostridium difficile A/B	• Bộ chất thử định tính Clostridium difficile, Toxin A, Toxin B. • Phương pháp: Realtime PCR • Loại mẫu: Phân • Thành phần: có kèm chất chứng và chứng nội • Độ nhạy phân tích : 100% với lớn hơn hoặc bằng 1000 bản sao trên ml • Cung cấp kèm chất thử ly trích vật liệu di truyền tự động • Tiêu chuẩn CE/ISO, IVD	672,0	Test

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
81	Kit định lượng DNA HBV đóng gói tương thích để thực hiện xét nghiệm trên thiết bị tự động	<ul style="list-style-type: none"> Bộ chất thử đo tải lượng HBV DNA trên hệ thống hoàn toàn tự động. Loại mẫu: huyết tương Phương pháp: xét nghiệm in vitro phản ứng chuỗi trùng hợp (PCR) trên Hệ thống hoàn toàn tự động nhằm định lượng DNA của virus gây viêm gan B, khảo sát trên các Group và Subtype: A-I. Phạm vi định lượng: giới hạn dưới ≤ 7 IU/mL; giới hạn trên $\geq 2.000.000.000$ IU/mL. Đơn vị trả kết quả: IU/mL. Độ nhạy: $\geq 95\%$ tại giới hạn dưới; Độ đặc hiệu: 100%; Độ chính xác: $SD \leq 0,22$ Cung cấp kèm chất chứng, vật tư tiêu hao và hóa chất phụ trợ sử dụng cho hết số lượng chất thử trong gói thầu. Tiêu chuẩn CE/ISO, IVD 	6.720,00	Test
82	Bộ chất thử đo tải lượng HCV	<ul style="list-style-type: none"> Bộ chất thử đo tải lượng HCV RNA trên hệ thống hoàn toàn tự động Loại mẫu: huyết tương Phương pháp: xét nghiệm in vitro phản ứng chuỗi trùng hợp - phiên mã ngược (RT-PCR) dùng với Hệ thống tự động nhằm định lượng RNA của virus gây viêm gan C, khảo sát trên các Genotype: 1,2,3,4,5,6. Phạm vi định lượng: giới hạn dưới ≤ 12 IU/mL, giới hạn trên $\geq 200.000.000$ IU/mL. Đơn vị kết quả: IU/mL. Độ nhạy: $\geq 95\%$ tại giới hạn dưới; Độ đặc hiệu: 100%; Độ chính xác: $SD \leq 0,18$; Cung cấp kèm chất chứng, vật tư tiêu hao và hóa chất phụ trợ sử dụng cho hết số lượng chất thử trong gói thầu. 	2.880,0	Test
83	Kit tầm soát Syphilis dạng card, phương pháp kháng nguyên kháng thể	<ul style="list-style-type: none"> Phát hiện kháng thể Treponemal trong mẫu huyết thanh và huyết tương. Thời gian thực hiện dưới 10 phút. Dung dịch phản ứng: có chứa than vi sinh. Thiết kế 8 - 10 giếng 1 card. Độ nhạy: trên 85% đối với giang mai nguyên phát, trên 97% đối với giang mai thứ phát. Độ đặc hiệu: trên 97% Tiêu chuẩn ISO, IVD. 	24.000,0	Test
84	Kháng thể đơn dòng Anti E loại IgM	Kháng thể đơn dòng Anti E loại IgM cho xét nghiệm nhóm máu Rhesus trên hồng cầu theo nguyên tắc ngưng kết cho kết quả rõ ràng, không cần sử dụng kèm dung dịch tăng cường phản ứng. Phù hợp thực hiện xét nghiệm thủ công/bán tự động. Thành phần: chứa kháng thể đơn dòng Anti E, loại IgM. Chuẩn độ kháng thể: 1:32	40,0	ml
85	Kháng thể xác định dưới nhóm Rh: Kháng thể đơn dòng Anti C loại IgM	Kháng thể đơn dòng Anti C loại IgM cho xét nghiệm nhóm máu Rhesus trên hồng cầu theo nguyên tắc ngưng kết cho kết quả rõ ràng, không cần sử dụng kèm dung dịch tăng cường phản ứng. Phù hợp thực hiện xét nghiệm thủ công/bán tự động. Thành phần: chứa kháng thể đơn dòng Anti C, loại IgM. Chuẩn độ kháng thể: 1:32	40,0	ml
86	Kháng thể đơn dòng Anti Jka loại IgM	Kháng thể đơn dòng Anti Jka loại IgM cho xét nghiệm nhóm máu KIDD trên hồng cầu theo nguyên tắc ngưng kết trực tiếp cho kết quả rõ ràng, không cần sử dụng kèm dung dịch tăng cường phản ứng. Phù hợp thực hiện xét nghiệm thủ công/bán tự động. Thành phần: chứa kháng thể đơn dòng Anti Jka, loại IgM. Chuẩn độ kháng thể: 1:4	20,0	ml
87	Kháng thể đơn dòng Anti Jkb loại IgM	Kháng thể đơn dòng Anti Jkb loại IgM cho xét nghiệm nhóm máu KIDD trên hồng cầu theo nguyên tắc ngưng kết trực tiếp cho kết quả rõ ràng, không cần sử dụng kèm dung dịch tăng cường phản ứng. Phù hợp thực hiện xét nghiệm thủ công/bán tự động. Thành phần: chứa kháng thể đơn dòng Anti Jkb, loại IgM. Chuẩn độ kháng thể: 1:4	20,0	ml
88	Kháng thể đơn dòng Anti K loại IgM	Kháng thể đơn dòng Anti K loại IgM. Cho kết quả rõ ràng, không cần sử dụng kèm dung dịch tăng cường phản ứng. Phù hợp thực hiện xét nghiệm thủ công/bán tự động.	20,0	ml
89	Kháng thể đơn dòng Anti Lea loại IgM	Kháng thể đơn dòng Anti Lea loại IgM cho xét nghiệm nhóm máu Lewis trên hồng cầu theo nguyên tắc ngưng kết trực tiếp cho kết quả rõ ràng, không cần sử dụng kèm dung dịch tăng cường phản ứng. Phù hợp thực hiện xét nghiệm thủ công/bán tự động. Thành phần: chứa kháng thể đơn dòng Anti Lea, loại IgM. Chuẩn độ kháng thể: 1:2	20,0	ml
90	Kháng thể xác định nhóm máu hệ Lewis (Lea, Leb): Kháng thể đơn dòng Anti Leb loại IgM	Kháng thể đơn dòng Anti Leb loại IgM cho xét nghiệm nhóm máu Lewis trên hồng cầu theo nguyên tắc ngưng kết trực tiếp cho kết quả rõ ràng, không cần sử dụng kèm dung dịch tăng cường phản ứng. Phù hợp thực hiện xét nghiệm thủ công/bán tự động. Thành phần: chứa kháng thể đơn dòng Anti Leb, loại IgM. Chuẩn độ kháng thể: 1:2	20,0	ml
91	Kháng thể xác định nhóm máu hệ Duffy (Fya, Fyb): Kháng thể đơn dòng Anti Fya loại IgM	Kháng thể đơn dòng Anti Fya loại IgM cho xét nghiệm nhóm máu Duffy trên hồng cầu theo nguyên tắc ngưng kết gián tiếp cho kết quả rõ ràng, không cần sử dụng kèm dung dịch tăng cường phản ứng. Phù hợp thực hiện xét nghiệm thủ công/bán tự động. Thành phần: chứa kháng thể đơn dòng Anti-Fya, loại IgM.	20,0	ml
92	Kháng thể xác định nhóm máu hệ Duffy (Fya, Fyb): Kháng thể đơn dòng Anti Fyb loại IgM	Kháng thể đơn dòng Anti Fyb loại IgM cho xét nghiệm nhóm máu Duffy trên hồng cầu theo nguyên tắc ngưng kết gián tiếp cho kết quả rõ ràng, không cần sử dụng kèm dung dịch tăng cường phản ứng. Phù hợp thực hiện xét nghiệm thủ công/bán tự động. Thành phần: chứa kháng thể đơn dòng Anti-Fyb, loại IgM.	20,0	ml
93	Kháng thể xác định nhóm máu hệ MNSs (M,N,S,s,Mia): Kháng thể đơn dòng Anti M, loại IgM	Kháng thể đơn dòng Anti M, loại IgM cho xét nghiệm nhóm máu M,N,S trên tế bào hồng cầu bằng phản ứng ngưng kết cho kết quả rõ ràng, không cần sử dụng kèm dung dịch tăng cường phản ứng. Phù hợp thực hiện xét nghiệm thủ công/bán tự động. Thành phần: chứa kháng thể đơn dòng Anti-M, loại IgM. Chuẩn độ kháng thể: 1:8	20,0	ml
94	Kháng thể xác định nhóm máu hệ MNSs (M,N,S,s,Mia): Kháng thể đơn dòng Anti N, loại IgM	Kháng thể đơn dòng Anti N, loại IgM cho xét nghiệm nhóm máu M,N,S trên tế bào hồng cầu bằng phản ứng ngưng kết cho kết quả rõ ràng, không cần sử dụng kèm dung dịch tăng cường phản ứng. Phù hợp thực hiện xét nghiệm thủ công/bán tự động. Thành phần: chứa kháng thể đơn dòng Anti-N, loại IgM. Chuẩn độ kháng thể: 1:8	20,0	ml
95	Kháng thể xác định nhóm máu hệ MNSs (M,N,S,s,Mia): Kháng thể đơn dòng Anti s, loại IgM	Kháng thể đơn dòng Anti s, loại IgM cho xét nghiệm nhóm máu M,N,S trên tế bào hồng cầu bằng phản ứng ngưng kết cho kết quả rõ ràng, không cần sử dụng kèm dung dịch tăng cường phản ứng. Phù hợp thực hiện xét nghiệm thủ công/bán tự động. Thành phần: chứa kháng thể đơn dòng Anti-s, loại IgM. Chuẩn độ kháng thể: 1:8	40,0	ml
96	Kháng thể đơn dòng Anti P1, loại IgM	Kháng thể đơn dòng Anti P1, loại IgM sử dụng cho xét nghiệm nhóm máu P1PK trên tế bào hồng cầu bằng phản ứng ngưng kết trực tiếp cho kết quả rõ ràng, không cần sử dụng kèm dung dịch tăng cường phản ứng. Phù hợp thực hiện xét nghiệm thủ công/bán tự động. Thành phần: chứa kháng thể đơn dòng anti P1 loại IgM. Chuẩn độ kháng thể: 1:8	20,0	ml
97	Viên muối phosphat dùng pha dung dịch đệm có pH 7.2- 7.6	Hóa chất hoà tan hoàn toàn trong nước cất để tạo dung dịch đệm muối phosphat 0,01 M, có pH trong khoảng 7,2- 7,6. Dung dịch thu được sử dụng để pha loãng các chất thử ở dạng đông khô, rửa và pha loãng mẫu.	5,0	Viên
98	Dung dịch đệm Phosphate buffered saline/Citrate	Dung dịch đệm Phosphate buffered saline/Citrate dạng pha sẵn dùng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng.	8,0	Lọ 500 ml

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
99	Chất thử tạo khí trường nuôi cấy vi khuẩn vi hiếu khí nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> Hoà chất làm giảm O₂ và làm giàu CO₂ trong bình kín để tạo khí trường nuôi cấy vi khuẩn vi hiếu khí. Khí trường có nồng độ CO₂ trong khoảng 2.5-10% và nồng độ O₂ trong khoảng 6-14% sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn CE, DIN ISO. 	100,0	Test
100	Bộ chất thử định tính và phân biệt gene kháng kháng sinh (KPC và OXA)	<ul style="list-style-type: none"> Bộ chất thử định tính và phân biệt gene kháng kháng sinh (KPC và OXA) trong các vi khuẩn Enterobacteriaceae và vi khuẩn Gram âm không lên men (NFGNB). Bộ chất thử đa tác nhân định tính 2 gene kháng thuốc: KPC và OXA-48 Phương pháp real-time PCR Loại mẫu: dịch phết, nước tiểu và môi trường nuôi cấy lỏng. Có chứng nội (IC), chất chứng dương và chất chứng âm Cung cấp kèm ly trích vật liệu di truyền Tiêu chuẩn chất lượng: CE - IVD 	200,0	Test
101	Bộ chất thử định tính và phân biệt gene kháng kháng sinh (VIM, IMP, NDM)	<ul style="list-style-type: none"> Bộ chất thử đa tác nhân định tính 3 gene kháng thuốc: VIM,IMP và NDM trong các vi khuẩn Enterobacteriaceae và vi khuẩn Gram âm không lên men (NFGNB). Phương pháp real-time PCR Loại mẫu: dịch phết, nước tiểu và môi trường nuôi cấy lỏng. Có chứng nội (IC), chất chứng dương và chất chứng âm Cung cấp kèm ly trích vật liệu di truyền Tiêu chuẩn chất lượng: CE - IVD 	200,0	Test
102	Bộ chất thử định danh nhóm vi khuẩn lao (MTBC) và Nontuberculous Mycobacteria (NTM)	<ul style="list-style-type: none"> Bộ chất thử định danh nhóm vi khuẩn lao (MTBC) và Nontuberculous Mycobacteria (NTM) Loại mẫu: mô dịch sinh học và huyền dịch vi khuẩn lao. Kỹ thuật DNA Strip Bộ chất thử bao gồm hóa chất cho xét nghiệm PCR và hóa chất xác định nhóm vi khuẩn lao (MTBC) và Nontuberculous Mycobacteria (NTM) bằng phương pháp DNA Strip. Tiêu chuẩn CE - IVD 	24,0	Test
103	Bộ hóa chất đồng bộ xét nghiệm sinh hóa, phân tích đồng thời 05 chỉ số ion đồ trên cùng 01 thiết bị tự động			
103.1	Dung dịch dùng để bảo dưỡng máy			
103.1.1	Dung dịch dùng để bảo dưỡng máy	Dung dịch bảo dưỡng điện cực và thiết bị. Thành phần gồm dung dịch chứa 2 mol/L KCl, dây hút mẫu, dây bơm, màng lọc. Bảo quản nhiệt độ phòng. Tương thích với cấu phần khác của bộ và thiết bị.	250,0	ml
103.2	Cốc chứa mẫu 0.5 ml thực hiện xét nghiệm điện giải đồ			
103.2.1	Cốc chứa mẫu 0.5 ml thực hiện xét nghiệm điện giải đồ	Cốc chứa mẫu cho thiết bị xét nghiệm thực hiện điện giải đồ hỗ trợ chuyển mẫu tự động. Chất liệu nhựa PS. Kích thước (±1mm) đường kính 13mm, chiều cao 24mm. Thể tích chứa tối đa 0,5ml. Sử dụng phù hợp trên thiết bị xét nghiệm điện giải đồ	180,0	Gói 1000 cái
104	Bộ hóa chất đồng bộ cho xét nghiệm HbA1C, tự động, theo phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao			
104.1	Hóa chất thực hiện xét nghiệm HbA1C			
104.1.1	Chất chuẩn cho xét nghiệm HbA1C	Chất chuẩn 2 mức nồng độ cho xét nghiệm HbA1C. Nguồn gốc từ máu người. Bảo quản 2-8°C. Đóng gói dạng đông khô, được hoàn nguyên bằng nước cất (hay nước khử ion). Phù hợp với kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao của thiết bị.	80,0	ml
104.1.2	Dung dịch đệm số 1 cho xét nghiệm HbA1C	Dung dịch đệm số 1 cho xét nghiệm HbA1C. Thành phần chứa đệm acid hữu cơ, sodium azide. Bảo quản ổn định 4-30°C. Phù hợp với kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) của thiết bị, tương thích với dung dịch đệm số 2 và 3.	77.000,0	ml
104.1.3	Dung dịch đệm số 2 cho xét nghiệm HbA1C	Dung dịch đệm số 2 cho xét nghiệm HbA1C. Thành phần chứa đệm acid hữu cơ, sodium azide. Bảo quản ổn định 4-30°C. Phù hợp với kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) của thiết bị, tương thích với dung dịch đệm số 1 và 3.	77.000,0	ml
104.1.4	Dung dịch đệm số 3 cho xét nghiệm HbA1C	Dung dịch đệm số 3 cho xét nghiệm HbA1C. Thành phần chứa đệm acid hữu cơ, sodium azide. Bảo quản ổn định 4-30°C. Phù hợp với kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) của thiết bị, tương thích với dung dịch đệm số 1 và 2.	77.000,0	ml
104.1.5	Dung dịch rửa và ly giải hồng cầu cho xét nghiệm HbA1C	Dung dịch rửa, ly giải hồng cầu, pha loãng mẫu cho xét nghiệm HbA1C. Thành phần EDTA, Triton X, sodium azide. Bảo quản ổn định 4-30°C. Phù hợp với kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) của thiết bị.	385.000,0	ml
104.2	Gel cho cột sắc ký thực hiện xét nghiệm HbA1C			
104.2.1	Gel cho cột sắc ký thực hiện xét nghiệm HbA1C	Gel cho cột sắc ký thực hiện xét nghiệm HbA1C. Kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC). Mẫu huyết tương (EDTA, NaF, heparin, citric acid. Tính năng kỹ thuật: Gel sắc ký dùng để phân tách các thành phần hemoglobin A, A1C, F, S... Bảo quản ổn định 4-15°C, phù hợp với thiết bị.	82.500,0	Test
104.3	Màng lọc cho cột sắc ký thực hiện xét nghiệm HbA1C			
104.3.1	Màng lọc cho cột sắc ký thực hiện xét nghiệm HbA1C	Màng lọc cho cột sắc ký thực hiện xét nghiệm HbA1C. Kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC). Tính năng kỹ thuật: bộ lọc dung dịch trước khi thực hiện phân tách các thành phần hemoglobin trong gel sắc ký, tương thích với gel sắc ký của bộ, phù hợp với thiết bị.	82.500,0	Test
105	Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch sàng lọc túi máu trên thiết bị tự động			
105.1	Chất chuẩn cho các xét nghiệm: anti HCV, HBsAg, anti TP, anti HIV			
105.1.1	Chất chuẩn cho các xét nghiệm: anti HCV, HBsAg, anti TP, anti HIV	Dung nội kiểm xét nghiệm anti HCV, HBsAg, anti TP, anti HIV. Mỗi lần sử dụng cần 400 uL ± 10%	72,0	ml
105.2	Chất thử định tính kháng thể và kháng nguyên-HIV			
105.2.1	Chất thử định tính kháng thể và kháng nguyên-HIV	Mẫu thử yêu cầu là huyết thanh hoặc huyết tương. Phát hiện được kháng thể của HIV-1 và HIV-2, kháng nguyên HIV-1. Phương pháp miễn dịch hoá phát quang. Giới hạn phát hiện cut-off index ≥ 1.0. Tương thích với cấu phần khác của bộ và thiết bị	29.400,0	Test
105.3	Chất chứng cho xét nghiệm HIV Ag+Ab			
105.3.1	Chất chứng cho xét nghiệm HIV Ag+Ab	Dung nội kiểm xét nghiệm HIV. Mỗi lần sử dụng cần 400 uL ± 10%	72,0	ml
105.4	Chất chuẩn cho xét nghiệm HIV Ag+Ab			
105.4.1	Chất chuẩn cho xét nghiệm HIV Ag+Ab	Tương thích với cấu phần khác của bộ và thiết bị. Hệ số tiêu hao trung bình: khoảng 200 uL ± 10% cho 01 lần hiệu chuẩn trên máy. Sử dụng khi hết hạn đường hiệu chuẩn (30 ngày) hoặc đổi Lot hóa chất.	6,0	ml
105.5	Đầu côn dùng một lần			
105.5.1	Đầu côn dùng một lần	Đầu côn dùng một lần, tương thích với hệ thống miễn dịch tự động sử dụng chất nền phát quang. Thẻ tích hút mẫu từ 10µl - 30µl (tùy thuộc vào từng loại xét nghiệm). Chất liệu: Polypropylene, chiều cao đầu côn: 52.5 mm ± 0.2, đường kính Ø 7.07mm ± 0.15. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	35,0	Hộp 5000 cái
105.6	Dung dịch rửa đường ống			
105.6.1	Dung dịch rửa đường ống	Tương thích với cấu phần khác của bộ và thiết bị. Hệ số tiêu hao trung bình: khoảng 50 mL ± 10% cho 01 lần xét nghiệm	12.751,6	LIT
105.7	Dung dịch rửa kim hút			
105.7.1	Dung dịch rửa kim hút	Tương thích với cấu phần khác của bộ và thiết bị. Hệ số tiêu hao trung bình: khoảng 500 uL ± 10% cho 01 lần xét nghiệm	150.864,0	ml

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
106	Bộ hoá chất đồng bộ xét nghiệm định danh vi khuẩn, vi nấm và thực hiện kháng sinh đồ, kháng nấm đồ trên cùng 01 thiết bị			
106.1	Chất chứng đo độ đục cho các mức 0, 0.5, 2, 3			
106.1.1	Chất chứng đo độ đục cho các mức 0, 0.5, 2, 3	Bao gồm bộ bốn ống thủy tinh huyền phù chuẩn có 3 giá trị McFarland 0,5; 2, 0;3,0 và 1 ống trắng 0.0. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ CE.	3,0	Bộ/4 level
106.2	Dung dịch pha mẫu NaCl nồng độ 0.45%			
106.2.1	Dung dịch pha mẫu NaCl nồng độ 0.45%	Thành phần: 0.45 % Sodium Chloride Diluent. Vô trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ CE.	90.000,0	ml
106.3.	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm định danh Neisseria Haemophilus			
106.3.1	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm định danh Neisseria Haemophilus	Chức năng dùng để định danh vi khuẩn Neisseria/Haemophilus và các vi khuẩn khó mọc khác trên hệ thống máy tự động. Thẻ có trên 25 tính chất sinh vật hóa học. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE.	80,0	Test
106.4	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm định danh vi khuẩn kỵ khí.			
106.4.1	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm định danh vi khuẩn kỵ khí.	Chức năng định danh vi khuẩn kỵ khí và Corynebacteria được sử dụng trên hệ thống máy định danh tự động. Thẻ nhựa có trên 35 tính chất sinh vật hóa học. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE.	400,0	Test
106.5	Vi khuẩn kháng thuốc hệ thống tự động và Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động (gram âm)			
106.5.1	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm kháng sinh đồ vi khuẩn gram âm.	Chức năng kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm được sử dụng với hệ thống máy kháng sinh đồ tự động trong phòng xét nghiệm có thể xác định nồng độ ức chế tối thiểu của kháng sinh đối với các trực khuẩn Gram âm hiếu khí Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE.	17.000,0	Test
106.5.2	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm định danh vi khuẩn gram âm	Chức năng định danh trực khuẩn Gram âm được sử dụng trên hệ thống máy định danh vi khuẩn tự động. Thẻ nhựa có trên 45 tính chất sinh vật hóa học. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE.	8.330,0	Test
106.6	Vi khuẩn kháng thuốc hệ thống tự động và Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động (gram dương)			
106.6.1	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm kháng sinh đồ vi khuẩn gram dương.	Thẻ kháng sinh đồ Gram dương được sử dụng với hệ thống máy xét nghiệm kháng sinh đồ tự động để xác định nồng độ ức chế tối thiểu của kháng sinh đối với Vi sinh vật. Tương thích với hóa chất mục (106.5) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE.	8.000,0	Test
106.6.2	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm định danh vi khuẩn gram dương.	Chức năng định danh cầu khuẩn Gram dương được sử dụng trên hệ thống máy định danh tự động. Thẻ nhựa có trên 40 tính chất sinh vật hóa học. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE.	5.200,0	Test
106.2	Vi nấm nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động			
106.2.1	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm định danh vi nấm	Chức năng định danh nấm men được sử dụng trên hệ thống máy định danh tự động. Thẻ nhựa có trên 45 tính chất sinh vật hóa học. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE.	3.000,0	Test
106.2.2	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm xác định kháng nấm đồ	Chức năng kháng sinh đồ nấm được sử dụng với hệ thống máy kháng sinh đồ tự động trong phòng xét nghiệm có thể xác định nồng độ ức chế tối thiểu của thuốc kháng nấm đối với nấm men. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE.	3.000,0	CARD
107	Bộ chiết tách tiểu cầu, giảm thiểu bạch cầu bằng màng lọc, phù hợp chạy tự động trên máy gan tách			
107.1	Bộ chiết tách tiểu cầu đôi, giảm thiểu bạch cầu bằng màng lọc			
	Bộ chiết tách tiểu cầu đôi, giảm thiểu bạch cầu bằng màng lọc	Bộ chiết tách tiểu cầu khi kết nối làm việc là hệ thống khép kín, vô khuẩn. Chiết tách tiểu cầu liên tục, lượng máu lấy ra cho mỗi lần chiết tách ≤ 200 ml. Thời gian chiết tách tiểu cầu đôi từ 75 -90 phút. Giảm thiểu bạch cầu bằng màng lọc trong quá trình chiết tách. Một túi chống đông chứa ACD với thể tích phù hợp để thu nhận tiểu cầu đôi. Lượng bạch cầu tồn dư trong khối tiểu cầu < 1x10 ⁶ . Hiệu suất tiểu cầu thu nhận: ≥ 6x10 ¹¹ . Thể tích khối tiểu cầu gan tách 500ml ±50ml. Tương thích với thiết bị sẵn có của Bệnh viện.	1.100,0	Bộ
107.2	Bộ kit chiết tách tiểu cầu đơn, giảm thiểu bạch cầu bằng màng lọc			
107.2.1	Bộ kit chiết tách tiểu cầu đơn, giảm thiểu bạch cầu bằng màng lọc	Bộ chiết tách tiểu cầu khi kết nối làm việc là hệ thống khép kín, vô khuẩn. Chiết tách tiểu cầu liên tục, lượng máu lấy ra cho mỗi lần chiết tách ≤ 200 ml. Thời gian chiết tách tiểu cầu đơn từ 35 -50 phút. Giảm thiểu bạch cầu bằng màng lọc trong quá trình chiết tách. Một túi chống đông chứa ACD với thể tích phù hợp để thu nhận tiểu cầu đơn. Lượng bạch cầu tồn dư trong khối tiểu cầu < 1x10 ⁶ . Hiệu suất tiểu cầu thu nhận: ≥ 3x10 ¹¹ . Thể tích khối tiểu cầu gan tách 250ml ± 25ml. Tương thích với thiết bị sẵn có của Bệnh viện.	700,0	Bộ
108	Bộ hóa chất phân tách các thành phần máu, thực hiện phân tách 04 thành phần trên cùng một thiết bị tự động			
108.1	Bộ gan bạch cầu, tiểu cầu, tế bào gốc			
	Bộ gan bạch cầu, tiểu cầu, tế bào gốc	Chức năng gan tách bạch cầu hoặc tiểu cầu hoặc tế bào gốc. Bộ kit đóng gói kín, sẵn sàng sử dụng, vô trùng. Thẻ tích vòng tuần hoàn ngoài ≤ 250ml, túi lọc khí, đường dây truyền chất chống đông và nước muối gán màng lọc vô trùng. Bao gồm 2 túi ACDA. Đóng gói tương thích sử dụng trên thiết bị tự động	100,0	KIT
108.2	Bộ trao đổi huyết tương			
	Bộ trao đổi huyết tương	Chức năng trao đổi huyết tương cho người bệnh. Bộ kit đóng gói kín, sẵn sàng sử dụng, vô trùng. Có màng lọc khí trên đường trả máu về cơ thể. Thẻ tích vòng tuần hoàn ngoài cơ thể ≤ 190 ml. Bao gồm 2 túi ACDA. Đóng gói tương thích sử dụng trên thiết bị tự động	300,0	KIT
109	Bộ hóa chất định type HLA độ phân giải cao cho 1 locus (Locus A, hoặc Locus B, Locus C, Locus DR, Locus DQ, hoặc Locus DP) bằng kỹ thuật			
109.1	Bộ hoá chất xét nghiệm HLA-A			
109.1.1	Bộ hoá chất xét nghiệm HLA-A	Mẫu thử yêu cầu là DNA đã được chiết tách và tinh sạch. Bộ hóa chất chứa môi, đầu dò để định danh HLA-A bằng kỹ thuật PCR-SSO. Tương thích với thiết bị	200,0	test
109.2	Bộ hoá chất xét nghiệm HLA-B			
109.2.1	Bộ hoá chất xét nghiệm HLA-B	Mẫu thử yêu cầu là DNA đã được chiết tách và tinh sạch. Bộ hóa chất chứa môi, đầu dò để định danh HLA-B bằng kỹ thuật PCR-SSO. Tương thích với thiết bị	200,0	test
109.3	Bộ hoá chất xét nghiệm HLA-C			
109.3.1	Bộ hoá chất xét nghiệm HLA-C	Mẫu thử yêu cầu là DNA đã được chiết tách và tinh sạch. Bộ hóa chất chứa môi, đầu dò để định danh HLA-C bằng kỹ thuật PCR-SSO. Tương thích với thiết bị	50,0	test
109.4	Bộ hoá chất xét nghiệm HLA-DPA1/BI			
109.4.1	Bộ hoá chất xét nghiệm HLA-DPA1/BI	Mẫu thử yêu cầu là DNA đã được chiết tách và tinh sạch. Bộ hóa chất chứa môi, đầu dò để định danh HLA-DPA1/BI bằng kỹ thuật PCR-SSO. Tương thích với thiết bị	50,0	test
109.5	Bộ hoá chất xét nghiệm HLA-DQA1/BI			
109.5.1	Bộ hoá chất xét nghiệm HLA-DQA1/BI	Mẫu thử yêu cầu là DNA đã được chiết tách và tinh sạch. Bộ hóa chất chứa môi, đầu dò để định danh HLA-DQA1/BI bằng kỹ thuật PCR-SSO. Tương thích với thiết bị	200,0	test
109.6	Bộ hoá chất xét nghiệm HLA-DRB1			
109.6.1	Bộ hoá chất xét nghiệm HLA-DRB1	Mẫu thử yêu cầu là DNA đã được chiết tách và tinh sạch. Bộ hóa chất chứa môi, đầu dò để định danh HLA-DRB1 bằng kỹ thuật PCR-SSO. Tương thích với thiết bị	200,0	test

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
109.7	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định type HLA			
109.7.1	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định type HLA	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định type HLA, phù hợp với công nghệ Luminex và phần mềm chuyên dụng hỗ trợ phân tích kết quả đi kèm.	25,0	test
109.8	Hoá chất kiểm chuẩn xét nghiệm định type HLA			
109.8.1	Hoá chất kiểm chuẩn xét nghiệm định type HLA	Hoá chất kiểm chuẩn xét nghiệm định type HLA, phù hợp với công nghệ Luminex và phần mềm chuyên dụng hỗ trợ phân tích kết quả đi kèm.	25,0	test
109.9	Dung dịch rửa hệ thống xét nghiệm định type HLA			
109.9.1	Dung dịch rửa hệ thống xét nghiệm định type HLA	Tương thích với cấu phần khác của bộ và thiết bị.	100,0	lit
109.10	Hóa chất làm sạch hệ thống để giảm nhiễu kết quả			
109.10.1	Hóa chất làm sạch hệ thống để giảm nhiễu kết quả	Tương thích với cấu phần khác của bộ và thiết bị.	1,0	chai/100 µl
109.11	Hoá chất Streptavidin hỗ trợ phản ứng HLA trong xét nghiệm hoà hợp mô ghép			
109.11.1	Hoá chất Streptavidin hỗ trợ phản ứng HLA trong xét nghiệm hoà hợp mô ghép	Tương thích với cấu phần khác của bộ và thiết bị.	1,0	lọ/85µL



PHỤ LỤC 2
MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số **487** /BVCR-KD ngày **21** tháng **8**.. năm 2023 của Bệnh viện Chợ Rẫy)

BÁO GIÁ ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Chợ Rẫy

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số /BVCR-KD ngày tháng năm 2023 của Bệnh viện Chợ Rẫy, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	..									
2	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 – Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

... , ngày ... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp ⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu)



Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục" trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục" trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.